

Số: /TB-ĐHCNGTVT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2021

Kính gửi:.....

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2021 như sau:

1. Hình thức đào tạo: Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 2 năm đầu của chương trình đào tạo.

3. Chỉ tiêu xét tuyển: Tổng chỉ tiêu đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Công nghệ GTVT dự kiến là 20 nghiên cứu sinh.

4. Chương trình đào tạo:

Danh mục các chương trình đào tạo tiến sĩ gồm:

STT	Chương trình	Mã số
1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9580205
2	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	9580206

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Đối tượng xét tuyển nghiên cứu sinh là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển (Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp được quy định tại Phụ lục I);

- Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*quy định tại bảng tham chiếu Phụ lục II*) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

6. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm:

- Đơn xin dự tuyển (*mẫu 1*);
- Lý lịch khoa học của người dự tuyển (*mẫu 2*);
- Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ; (*)
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bằng điểm Đại học; (*)
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bằng điểm Thạc sĩ; (*)

(Nếu ứng viên có bằng tốt nghiệp thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải nộp bản sao chứng thực Giấy công nhận văn bằng do Trung tâm Công nhận Văn bằng - Cục quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp).

- Bản sao các bài báo, báo cáo khoa học quy định tại mục 5;

(Mỗi bài báo hoặc báo cáo khoa học cần được sao chụp trang bìa (tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học), trang mục lục và nội dung bài viết. Nếu có số bài báo hoặc báo cáo khoa học nhiều hơn 01 bài thì người dự tuyển cần đóng thành tập và sắp xếp theo trật tự của bản kê khai danh mục ở trang bìa) (mẫu 3).

- Đề cương nghiên cứu (*mẫu 4*) khoảng 3000 từ gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên đề tài hoặc hướng nghiên cứu của người dự tuyển;
- b. Họ và tên người hướng dẫn được đề xuất;
- c. Lý do lựa chọn tên đề tài/hướng nghiên cứu;
- d. Tổng quan công trình khoa học đã được công bố về đề tài hoặc hướng nghiên cứu được lựa chọn;
- đ. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu;
- e. Phương pháp nghiên cứu dự kiến thực hiện;
- g. Dự kiến đóng góp của nghiên cứu.

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (*mẫu 5*);

- Giấy đồng ý hướng dẫn NCS của tối thiểu 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định trong đó có ít nhất 01 nhà khoa học là giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Công nghệ GTVT (*mẫu 6*).

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH GẦN, NGÀNH PHÙ HỢP
VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm theo Thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh số 383 /TB-ĐHCNGTVT
 Ngày 27 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)

TT	Ngành đào tạo tiến sĩ	Ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp
1.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
		Kỹ thuật xây dựng
		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
		Kỹ thuật xây dựng công trình biển
		Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm
		Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt
		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
		Địa kỹ thuật xây dựng
		Kỹ thuật tài nguyên nước
		Kỹ thuật cấp thoát nước
2.	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt
		Kỹ thuật xây dựng
		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
		Kỹ thuật xây dựng công trình biển
		Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm
		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
		Địa kỹ thuật xây dựng
		Kỹ thuật tài nguyên nước
		Kỹ thuật cấp thoát nước

Phụ lục II
BẢNG THAM CHIẾU CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH
VÀ CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ĐƯƠNG
VỚI TIẾNG ANH ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Kèm theo Thông báo xét tuyển nghiên cứu sinh số 383 /TB-ĐHCNGTVT
Ngày 27 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2